

Số: /SXD-QLXD

Hà Nam, ngày tháng 6 năm 2022

V/v báo cáo tình hình hoạt động xây dựng
và quản lý chất lượng công trình xây dựng
6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Các Sở: Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá Thể thao và Du lịch;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Duy Tiên, TP Phủ Lý.

Để tổng hợp số liệu về tình hình hoạt động xây dựng (*quản lý đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, tình hình thẩm định thiết kế*) và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu năm 2022, Sở Xây dựng đề nghị đơn vị tổng hợp số liệu do đơn vị quản lý theo ngành, theo địa bàn, văn bản tổng hợp theo nội dung như sau:

1. Về quản lý đầu tư xây dựng

- a) Tình hình chung về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn.
- b) Các văn bản mới do địa phương, ngành quản lý ban hành để hướng dẫn công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn.
- c) Nêu những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản pháp luật về đầu tư xây dựng và kiến nghị, đề xuất.

2. Về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn

Theo Phụ lục số 01 và 02 (*Biểu số 01/BCDP và 02/BCDP - Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng*).

3. Về quản lý công tác thẩm định thiết kế xây dựng

Theo Phụ lục số 03, 04 và 05 (*Mẫu số 02, phụ lục II, Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng*).

4. Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động công trình xây dựng

Theo Phụ lục số 06 (*Mẫu số 02, Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01/7/2019*).

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo về Phòng Quản lý xây dựng- Sở Xây dựng Hà Nam (*Địa chỉ Số 01, đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Điện thoại liên hệ: 02263.852721*) **trước ngày 23/6/2022.**

Đề nghị các đơn vị quan tâm, chủ động phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, QLXD;
- CV(M)-2022/0787.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Phụ lục số 01
(Biểu số 01/BCDP - Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của
Bộ Xây dựng)

TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN
(6 tháng đầu năm 2022)

	Mã số	Tổng mức đầu tư (hoặc dự án) (ĐVT: Triệu đồng)		Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn (ĐVT: Công trình)	
		Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
Tổng số	01				
I. Phân theo quy mô dự án					
- Công trình thuộc dự án quan trọng quốc gia	02				
- Công trình thuộc dự án nhóm A	03				
- Công trình thuộc dự án nhóm B	04				
- Công trình thuộc dự án nhóm C	05				
II. Phân loại công trình theo công năng					
- Công trình dân dụng	06				
- Công trình công nghiệp	07				
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	08				
- Công trình giao thông	09				
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	10				

Phụ lục số 02

(Biểu số 02/BCĐP - Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng)

TỔNG SỐ GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐƯỢC CẤP VÀ SỐ CÔNG TRÌNH VI PHẠM QUY ĐỊNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN (6 tháng đầu năm 2022)

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD	1		
Chia ra:				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	2		
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	3		
II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng		4		
Trong đó:				
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng	Công trình	5		
1.1. Không phép	Công trình	6		
1.2. Sai phép	Công trình	7		
1.3. Vi phạm khác	Công trình	8		
2. Kết quả xử phạt				
2.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	9		
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	10		
2.3. Số lượng QĐ xử phạt bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	11		

Phụ lục 03

Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Các huyện, TP	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)							
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế xây dựng đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %						Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng																
Sở Giao thông vận tải																
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
Sở Công thương																
Huyện, TX, TP																

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

Phụ lục 04

Loại nguồn vốn: Nhà nước ngoài ngân sách

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Các huyện, TP	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)							
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế xây dựng đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %						Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng																
Sở Giao thông vận tải																
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
Sở Công thương																
Huyện, TX, TP																

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

Phụ lục 05

Loại nguồn vốn: Vốn khác

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Các huyện, TP	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)							
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế xây dựng đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %						Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng																
Sở Giao thông vận tải																
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
Sở Công thương																
Huyện, TX, TP																

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +.....%; -.....%.

Phụ lục số 06

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng,

Căn cứ Khoản 3 Điều 86 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015,

(Đơn vị) báo cáo kết quả thực hiện nămnhư sau:

I. Tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Công tác hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (*Trả lời, giải đáp thắc mắc trong thực thi pháp luật; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản QPPL; ...*)

2. Kết quả kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình

- Kết quả kiểm tra công tác công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo thẩm quyền.

- Đánh giá chung về chất lượng và công tác quản lý chất lượng các công trình thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Kết quả giám định chất lượng, giải quyết sự cố công trình xây dựng

- Công tác giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng theo thẩm quyền.

- Kết quả giải quyết các sự cố thuộc thẩm quyền theo quy định.

II. Tình hình quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng

1. Tình hình sự cố về máy, thiết bị, vật tư, tai nạn lao động trong thi công xây dựng.

2. Kết quả kiểm tra an toàn lao động trong thi công xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

3. Đánh giá về tình hình tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

III. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị (nếu có)

- Việc kiểm tra, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị (*thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 15/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Về quản lý chất lượng các công trình tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình thuộc phạm vi quản lý.

- Các khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật.

- Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu pháp nhân)